

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG TÂY ĐỒ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	14 - 40
8. Phụ lục	41 - 45

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800561359, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 7 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
- Điện thoại : (0292) 3.862.077
- Fax : (0292) 3.862.419

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh xi măng và các vật liệu kết dính khác;
- Kinh doanh vật tư, nguyên liệu, phục vụ cho sản xuất xi măng;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ xi măng và vật liệu xây dựng;
- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường và các công trình hạ tầng kỹ thuật. San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh động sản, bất động sản, địa ốc;
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ và đường thủy.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Mai Công Toàn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Ninh Gia Thịnh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Minh Đức	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Đỗ Hữu Hường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Mai Công Quyết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Quang Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Ngọc Khanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đoàn Văn Cường	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Vũ Xuân Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Tạ Hữu Hiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Nghiêm Chí Minh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021 Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Đoàn Văn Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Bà Trương Thị Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Mai Công Toàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Dương Minh Chánh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 8 năm 2019
Ông Tạ Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 9 năm 2022
Ông Trần Văn Thìn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020 Miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Mai Công Toàn - Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

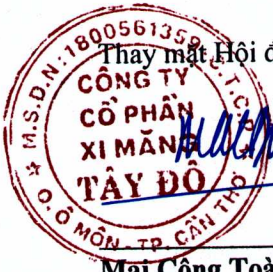
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Thay mặt Hội đồng quản trị,

[Handwritten signature]
Mai Công Toàn
Chủ tịch

Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Số: 4.0144/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2023, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ





Nguyễn Hữu Danh

Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1242-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 22 tháng 3 năm 2023


Phạm Thị Tố Như

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3574-2021-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		419.065.108.913	348.297.122.663
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.984.782.244	3.541.074.236
1. Tiền	111		9.984.782.244	3.541.074.236
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.506.395.000	71.006.395.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	6.395.000	6.395.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	40.500.000.000	71.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		270.092.669.150	177.049.928.679
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	253.075.398.336	155.308.313.148
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.464.622.871	14.651.636.133
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	17.776.621.451	11.917.523.405
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6.390.126.766)	(4.993.697.265)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	166.153.258	166.153.258
IV. Hàng tồn kho	140		92.715.916.576	84.799.532.119
1. Hàng tồn kho	141	V.8	92.715.916.576	84.799.532.119
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.765.345.943	11.900.192.629
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	5.356.188.659	8.400.793.354
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		259.355.113	2.932.106.451
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		149.802.171	567.292.824
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		354.188.553.239	350.813.249.110
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		337.012.298.208	297.859.120.172
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	322.818.760.540	283.612.201.338
- Nguyên giá	222		679.544.270.700	602.621.248.402
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(356.725.510.160)	(319.009.047.064)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	14.193.537.668	14.246.918.834
- Nguyên giá	228		14.536.300.000	14.536.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(342.762.332)	(289.381.166)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.463.573.231	34.375.008.271
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	2.463.573.231	34.375.008.271
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.114.723.600	12.304.913.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	11.304.913.000	11.304.913.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.190.189.400)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	-	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.597.958.200	6.274.207.667
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	5.064.306.069	5.890.071.820
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	533.652.131	384.135.847
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		773.253.662.152	699.110.371.773

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		424.046.728.831	355.181.289.879
I. Nợ ngắn hạn	310		392.850.847.231	327.898.733.129
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	122.329.740.346	41.587.392.657
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	828.699.185	1.356.068.320
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	3.907.293.552	4.047.122.276
4. Phải trả người lao động	314	V.17	14.488.098.697	14.469.945.805
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	5.092.711.847	635.304.701
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	190.840.742	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	5.978.278.718	9.568.001.377
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	233.173.852.296	247.784.358.637
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	800.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	6.061.331.848	8.450.539.356
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		31.195.881.600	27.282.556.750
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b	5.440.081.600	5.032.556.750
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	22.750.000.000	18.250.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	3.005.800.000	4.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		349.206.933.321	343.929.081.894
I. Vốn chủ sở hữu	410		349.206.933.321	343.929.081.894
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24a	76.000.000.000	76.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		76.000.000.000	76.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24a	100.000.000.000	100.000.000.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24a	149.023.496.234	140.913.221.528
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		119.189.415.794	140.913.221.528
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		29.834.080.440	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.24a	24.183.437.087	27.015.860.366
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		773.253.662.152	699.110.371.773

TP. Cần Thơ, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Mỹ Thu
Người lập

Nguyễn Văn Tuấn
Phụ trách kế toán



Mai Công Toàn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.474.684.940.783	1.339.166.317.877
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	66.493.302.113	122.966.666.091
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.408.191.638.670	1.216.199.651.786
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.272.730.907.947	1.115.251.462.949
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		135.460.730.723	100.948.188.837
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.886.254.280	4.793.699.871
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	21.925.308.950	16.262.479.390
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17.114.105.851	16.134.097.447
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	42.073.276.790	39.580.262.890
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	36.487.172.185	35.210.579.674
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.861.227.078	14.688.566.754
12. Thu nhập khác	31	VI.8	152.930.598	1.514.201.234
13. Chi phí khác	32	VI.9	187.920.644	227.000.783
14. Lợi nhuận khác	40		(34.990.046)	1.287.200.451
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.826.237.032	15.975.767.205
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	8.664.290.536	3.162.595.627
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(149.516.284)	(380.689.444)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.311.462.780	13.193.861.022
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		29.834.080.440	9.717.671.504
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		477.382.340	3.476.189.518



Nguyễn Thị Mỹ Thu
Người lập



Nguyễn Văn Tuấn
Phụ trách kế toán



Cần Thơ, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Mai Công Toàn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.391.245.352.800	1.497.244.862.520
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.168.195.210.107)	(1.321.228.845.139)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(94.764.798.922)	(95.673.338.653)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	V.18,VI.	(17.047.006.991)	(16.228.162.890)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.16	(8.982.254.198)	(1.238.694.056)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.158.371.108	16.051.132.749
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(62.988.852.704)	(74.283.708.568)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.425.600.986	4.643.245.963
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(43.904.523.040)	(49.947.474.344)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(80.500.000.000)	(136.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		112.000.000.000	161.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.800.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.991.826.279	5.274.154.074
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.412.696.761)	(17.873.320.270)

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

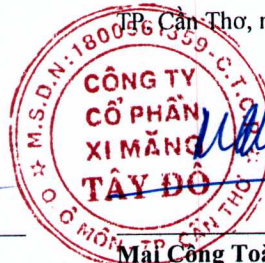
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	10.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21a	1.152.016.780.237	1.438.139.331.554
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21a,b	(1.167.621.486.578)	(1.430.299.305.843)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24a	(17.965.700.000)	(23.743.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.570.406.341)	(5.903.374.289)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.442.497.884	(19.133.448.596)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.541.074.236	22.675.116.183
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.210.124	(593.351)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	9.984.782.244	3.541.074.236

TP. Cần Thơ, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Mỹ Thu
Người lập

Nguyễn Văn Tuấn
Phụ trách kế toán



Mã Công Toàn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và ba công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	68,37%	68,37%	68,37%	88,72%
Công ty Cổ phần Truyền Thông Xi măng Tây Đô	Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	Cung ứng lao động tạm thời	90,5%	90,5%	90,5%	90,5%
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô ⁽ⁱ⁾	Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	Cung ứng dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	83,41%	83,41%	83,41%	87,85%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 610 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (năm trước là 636 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY Ô

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi và cổ tức của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi và cổ tức của các năm sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí phần mềm kế toán và chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí cải tạo, sửa chữa

Chi phí cải tạo, sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 26
Máy móc và thiết bị	02 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	04

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	60.500.629	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.924.281.615	3.541.074.236
Cộng	<u>9.984.782.244</u>	<u>3.541.074.236</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm: chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Cổ phiếu						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	2.495.000	4.500.000	-	2.495.000	6.300.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ	2.650.000	5.500.000	-	2.650.000	5.200.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	1.250.000	1.250.000	-	1.250.000	2.235.000	-
Cộng	<u>6.395.000</u>	<u>11.250.000</u>	<u>-</u>	<u>6.395.000</u>	<u>13.735.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	40.500.000.000	40.500.000.000	71.000.000.000	71.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng (*)	40.500.000.000	40.500.000.000	71.000.000.000	71.000.000.000
Dài hạn	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Trái phiếu	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	40.500.000.000	40.500.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng với số tiền 40.500.000.000 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Cần Thơ đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng này (xem thuyết minh V.20a).

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày ở phụ lục 01.

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.099.980 cổ phiếu, tương đương 12,94% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco với giá trị là 6.799.800.000 VND.
- Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 615.290 cổ phiếu, tương đương 1,48% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân với giá trị là 3.937.613.000 VND.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	2.533.216.064
Trích lập dự phòng bổ sung	2.190.189.400	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(2.533.216.064)
Số cuối năm	2.190.189.400	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	72.000.000	-
Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ	72.000.000	-
Phải thu các khách hàng khác	253.003.398.336	155.308.313.148
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Phúc Vinh	34.590.541.277	13.061.157.029
Cty TNHH Thương mại Dịch vụ Phát triển Đông Đông	24.116.781.931	6.348.477.063
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Cường Thành	23.910.833.309	6.095.543.401

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng khác	170.385.241.819	129.803.135.655
Cộng	<u>253.075.398.336</u>	<u>155.308.313.148</u>

Một số khoản nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng cuối năm có giá trị ghi sổ là 216.485.523.926 VND (số đầu năm là 155.051.057.199 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh V.20a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Cung ứng và Dịch vụ Ngọc Ánh	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Dịch vụ 689	-	2.967.066.680
Công ty TNHH Xây dựng Đầu tư và Thương mại 2A	-	3.788.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.464.622.871	3.896.569.453
Cộng	<u>5.464.622.871</u>	<u>14.651.636.133</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.240.791.781	-	1.496.331.508	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	214.854.173	-	213.593.570	-
Tạm ứng	8.348.247.983	-	7.162.798.327	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.972.727.514	-	3.044.800.000	-
Cộng	<u>17.776.621.451</u>	<u>-</u>	<u>11.917.523.405</u>	<u>-</u>

6. Nợ quá hạn

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Công ty TNHH MTV Hoàng Minh - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	2.998.670.798	-	Trên 3 năm	2.998.670.798	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Vận tải Phan Thành- Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	460.344.767	-	Trên 3 năm	460.344.767	-
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Thanh Trúc- Phải	Trên 3 năm	453.450.000	-	Trên 3 năm	460.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc		
thu tiền bán hàng						
Các khách hàng khác - Phải thu tiền bán hàng	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	2.543.941.401	66.280.200	Từ 1 năm đến trên 3 năm	1.140.961.900	66.280.200
Cộng		6.456.406.966	66.280.200		5.059.977.465	66.280.200

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.993.697.265	4.993.697.265
Trích lập dự phòng bổ sung	1.402.979.501	-
Hoàn nhập dự phòng	(6.550.000)	-
Số cuối năm	6.390.126.766	4.993.697.265

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Hàng tồn kho thiếu chờ xử lý.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	34.383.651.295	-
Công cụ, dụng cụ	4.003.372	-	369.939.640	-
Nguyên liệu, vật liệu	77.175.122.744	-	41.275.647.586	-
Thành phẩm	3.711.776.285	-	3.714.367.519	-
Hàng hóa	11.825.014.175	-	5.055.926.079	-
Cộng	92.715.916.576	-	84.799.532.119	-

Một số hàng tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 64.368.969.584 VND (số đầu năm là 78.759.957.171 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh V.20a).

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thiết kế bảng hiệu	-	3.299.648.915
Chi phí phụ tùng thay thế	2.580.759.624	2.482.173.784
Chi phí bành vông chờ phân bổ	60.508.160	52.207.647
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.028.338.337	575.197.183
Chi phí bảo hiểm	186.984.886	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	499.597.652	1.991.565.825
Cộng	5.356.188.659	8.400.793.354

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.049.126.784	3.251.472.490
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.869.178.776	2.638.599.330
Các chi phí trả trước dài hạn khác	146.000.509	-
Cộng	<u>5.064.306.069</u>	<u>5.890.071.820</u>

10. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 194.894.296.110 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh V.20a và V.20b).

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	14.140.300.000	396.000.000	14.536.300.000
Số cuối năm	<u>14.140.300.000</u>	<u>396.000.000</u>	<u>14.536.300.000</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	236.000.000	236.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	289.381.166	289.381.166
Khấu hao trong kỳ	-	53.381.166	53.381.166
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>342.762.332</u>	<u>342.762.332</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	14.140.300.000	106.618.834	14.246.918.834
Số cuối năm	<u>14.140.300.000</u>	<u>53.237.668</u>	<u>14.193.537.668</u>

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 13.627.800.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (xem thuyết minh V.20b).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tình hình tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	384.135.847	3.446.403
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	149.516.284	380.689.444
Số cuối năm	<u>533.652.131</u>	<u>384.135.847</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

14. Phải trả người bán

14a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	12.021.286.464	112.358.400
Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ	12.021.286.464	112.358.400
Phải trả các nhà cung cấp khác	110.308.453.882	41.475.034.257
Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Hòa Phát	16.297.162.349	15.257.425.546
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Vận tải Thiên Phúc	74.874.717.457	-
Các nhà cung cấp khác	19.136.574.076	26.217.608.711
Cộng	122.329.740.346	41.587.392.657

14b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Vận tải Thiên Phúc	5.440.081.600	5.032.556.750
Cộng	5.440.081.600	5.032.556.750

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các khách hàng khác		
Các khách hàng khác	828.699.185	1.356.068.320
Cộng	828.699.185	1.356.068.320

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10% cho tất cả thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ cung cấp trong nước.

Từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, các Công ty trong Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	8.004.245.759	1.391.318.820
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	440.477.274	1.511.477.690
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	151.582.291	37.800.183
Công ty Cổ phần Truyền thông Xi măng Tây Đô	67.985.212	221.998.934
Cộng	<u>8.664.290.536</u>	<u>3.162.595.627</u>

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước mặt với mức 5.000 VND/m³ và khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 7.000 VND/m³

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 66.522,5 m² đất đang sử dụng, với mức bình quân 11.278,12 VND/m²/năm theo Quyết định số 516/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ngày 24 tháng 02 năm 2010.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Là tiền lương, thưởng còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Trích trước chi phí khuyến mãi	1.446.644.764	386.003.923
Chi phí lãi vay phải trả	217.399.638	150.300.778
Tiền thuê 5 xe nâng	-	82.500.000
Trích trước chi phí tiền điện	2.906.850.700	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	521.816.745	16.500.000
Cộng	<u>5.092.711.847</u>	<u>635.304.701</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức khác</i>		
Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	190.840.742	-
Cộng	<u>190.840.742</u>	<u>-</u>

20. Phải trả khác**20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	253.181.670	186.835.590
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	227.728.560	1.565.240.540
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000.000	4.000.000.000
Chiết khấu tiền ký quỹ của khách hàng	2.684.794.521	2.636.182.738
Cổ tức phải trả	5.000.000	3.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.807.573.967	1.176.742.509
Cộng	<u>5.978.278.718</u>	<u>9.568.001.377</u>

20b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	22.750.000.000	18.250.000.000
Cộng	<u>22.750.000.000</u>	<u>18.250.000.000</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay**21a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	228.520.652.296	241.021.158.637
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱ⁾	100.721.079.265	111.481.212.091
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Cần Thơ ⁽ⁱⁱ⁾	127.799.573.031	129.539.946.546
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	4.653.200.000	6.763.200.000
Cộng	<u>233.173.852.296</u>	<u>247.784.358.637</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ chi tiết như sau:
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô: vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.2b, V.8 và V.10).

Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô: vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.10).

Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô: vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp công nợ phải thu khách hàng, hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.3, V.8 và V.10).

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Cần Thơ chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô: vay để bổ sung vốn lưu động bảo lãnh, mở L/C với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho và tài sản cố định (xem thuyết minh số V.2b, V.3, V.8 và V.10).

Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô: vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 5,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.10).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	247.784.358.637
Số tiền vay phát sinh	1.152.016.780.237
Kết chuyển từ vay dài hạn	949.200.000
Số tiền vay đã trả	(1.167.576.486.578)
Số cuối năm	233.173.852.296

21b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay dài hạn ngân hàng	3.005.800.000	4.000.000.000
<i>Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱ⁾</i>	<u>3.005.800.000</u>	<u>4.000.000.000</u>
Cộng	<u>3.005.800.000</u>	<u>4.000.000.000</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô: vay để đầu tư trạm trộn bê tông, mua xe trộn bê tông, xe bơm bê tông, xe ô tô, lãi suất thả nổi, thời hạn vay từ 60 - 120 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.10 và V.11).

Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô: vay để thanh toán các chi phí đầu tư của dự án mua 49 xe tải đầu kéo từ Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	4.653.200.000	6.763.200.000
Trên 1 năm đến 5 năm	3.005.800.000	4.000.000.000
Cộng	<u>7.659.000.000</u>	<u>10.763.200.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	4.000.000.000
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(949.200.000)
Số tiền vay đã trả	(45.000.000)
Số cuối năm	<u>3.005.800.000</u>

21c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến quỹ dự phòng tiền lương phải trả. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	-
Tăng do trích lập	800.000.000
Số cuối năm	<u>800.000.000</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	12.454.476	374.000.000	28.134.899	(379.059.375)	35.530.000
Quỹ phúc lợi	(604.065.910)	1.617.683.289	264.292.069	(1.403.803.400)	(125.893.952)
Quỹ an sinh xã hội	5.000.000.000	-	-	-	5.000.000.000
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4.042.150.790	2.426.052.646	-	(5.316.507.636)	1.151.695.800
Cộng	<u>8.450.539.356</u>	<u>4.417.735.935</u>	<u>292.426.968</u>	<u>(7.099.370.411)</u>	<u>6.061.331.848</u>

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 05 đính kèm.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ	38.803.500.000	38.803.500.000
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	36.611.500.000	36.611.500.000
Các cổ đông khác	585.000.000	585.000.000
Cộng	<u>76.000.000.000</u>	<u>76.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ	38.803.500.000	51,06	38.803.500.000	-
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	36.611.500.000	48,17	36.611.500.000	-
Các cổ đông khác	585.000.000	0,77	585.000.000	-
Cộng	76.000.000.000	100	76.000.000.000	-

24c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.600.000	7.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô đã phân phối lợi nhuận các năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 15.200.000.000
• Trích quỹ phúc lợi	: 794.463.176
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, Ban điều hành	: 2.426.052.646
• Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	: 1.320.000.000

Và Tập đoàn đã chi trả cổ tức cho cổ đông với số tiền 17.965.700.000 VND (số năm trước là 23.743.400.000 VND).

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

25a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.544.073.532	1.544.073.532
Trên 1 năm đến 5 năm	1.838.500.000	3.622.768.415
Trên 5 năm	74.700.000	240.700.000
Cộng	3.457.273.532	5.407.541.947

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**25b. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.561,45	1.561,45

25c. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	1.348.154.728	1.348.154.728	Không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>1.348.154.728</u>	<u>1.348.154.728</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	1.320.075.872.317	1.216.197.213.952
Doanh thu bán hàng hóa	125.470.492.216	92.187.183.866
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.508.999.094	26.149.249.965
Doanh thu khác	629.577.156	4.632.670.094
Cộng	<u>1.474.684.940.783</u>	<u>1.339.166.317.877</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	156.306.482	22.909.091

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	66.493.302.113	104.974.753.071
Hàng bán bị trả lại	-	17.991.913.020
Cộng	<u>66.493.302.113</u>	<u>122.966.666.091</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.137.207.824.232	1.015.684.092.581
Giá vốn của hàng hóa đã bán	105.550.198.425	78.662.552.818
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.588.953.568	18.950.650.591
Giá vốn thực hiện chương trình khuyến mại có điều kiện	2.383.931.722	1.954.166.959
Cộng	<u>1.272.730.907.947</u>	<u>1.115.251.462.949</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.112.488.356	3.624.573.975
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	25.319.626	17.045.892
Cổ tức, lợi nhuận được chia	605.471.790	1.057.921.100
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.210.124	-
Chiết khấu ký quỹ	141.764.384	-
Chiết khấu thanh toán	-	94.158.904
Cộng	<u>3.886.254.280</u>	<u>4.793.699.871</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	17.114.105.851	16.134.097.447
Chiết khấu ký quỹ	2.621.013.699	2.661.004.656
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	593.351
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư	2.190.189.400	(2.533.216.064)
Cộng	<u>21.925.308.950</u>	<u>16.262.479.390</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.415.737.558	6.349.887.654
Chi phí vật liệu, bao bì	3.012.425.673	1.213.620.618
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	15.382.484	37.427.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	411.467.698	421.846.723
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.442.058.657	6.771.808.121
Các chi phí khác	23.776.204.720	24.785.672.502
Cộng	<u>42.073.276.790</u>	<u>39.580.262.890</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	17.320.883.311	20.349.782.856
Chi phí vật liệu quản lý	1.063.080.144	1.227.267.989
Chi phí đồ dùng văn phòng	420.615.382	93.426.436
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.456.444.267	1.360.166.043
Thuế, phí và lệ phí	916.331.022	666.839.423
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	1.396.429.501	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.419.219.715	2.263.866.796
Các chi phí khác	8.494.168.843	9.249.230.131
Cộng	<u>36.487.172.185</u>	<u>35.210.579.674</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ nhận thưởng	-	1.459.779.869
Thu hỗ trợ	-	46.355.682
Tiền bảo hành bảng hiệu	100.000.000	-
Thu nhập khác	52.930.598	8.065.683
Cộng	<u>152.930.598</u>	<u>1.514.201.234</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	187.794.611	184.404.099
Chi phí khác	126.033	42.596.684
Cộng	<u>187.920.644</u>	<u>227.000.783</u>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	3.446.403
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(149.516.284)	(384.135.847)
Cộng	<u>(149.516.284)</u>	<u>(380.689.444)</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.057.538.048.967	937.892.335.216
Chi phí nhân công	112.280.451.575	98.720.532.281
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.094.500.481	38.741.570.194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.967.215.641	93.302.239.065
Chi phí khác	35.285.022.751	36.528.178.388
Cộng	<u>1.359.165.239.415</u>	<u>1.205.184.855.144</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về chia cổ tức với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc với số tiền là 26.600.000 VND (năm trước là 25.650.000 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Hội đồng quản trị	-	180.000.000	1.188.000.000	1.368.000.000
Ban Tổng Giám đốc	3.086.609.133	2.198.543.340	-	5.285.152.473
Ban Kiểm soát	-	27.000.000	475.200.000	502.200.000
Cộng	3.086.609.133	2.405.543.340	1.663.200.000	7.155.352.473
Năm trước				
Hội đồng quản trị	-	239.000.000	1.232.000.000	1.471.000.000
Ban Tổng Giám đốc	2.849.296.332	18.000.000	-	2.867.296.332
Ban Kiểm soát	-	45.000.000	475.200.000	520.200.000
Cộng	2.849.296.332	302.000.000	1.707.200.000	4.858.496.332

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ	Công ty mẹ
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco	Công ty nhận góp vốn đầu tư

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ		
Mua vỏ bao	68.383.796.800	83.126.554.705
Chia cổ tức	7.760.700.000	11.641.050.000
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam		
Chia cổ tức	7.322.300.000	10.983.450.000
Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco		
Cổ tức đã nhận	549.990.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.14a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Cần Thơ, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Mỹ Thu
Người lập

Nguyễn Văn Tuấn
Phụ trách kế toán



Mai Công Toàn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 01 : Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Da Tây Đô	69.500.000	-	-	11.304.913.000	-	-
Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco ⁽ⁱ⁾	6.799.800.000	-	-	69.500.000	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát	498.000.000	-	-	6.799.800.000	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ⁽ⁱⁱ⁾	3.937.613.000	(2.190.189.400)	1.747.423.600	498.000.000	-	-
Cộng	11.304.913.000	(2.190.189.400)	1.747.423.600	18.672.213.000	-	-



Nguyễn Thị Mỹ Thu
Người lập



Nguyễn Văn Tuấn
Phụ trách kế toán



TP. Cần Thơ, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Mai Công Toàn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	310.387.300.903	142.374.969.202	145.971.465.452	3.063.609.026	823.903.819	602.621.248.402
Mua trong năm	90.000.000	254.545.455	-	-	-	344.545.455
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	76.903.133.062	-	-	-	-	76.903.133.062
Thanh lý, nhượng bán	(324.656.219)	-	-	-	-	(324.656.219)
Số cuối năm	387.055.777.746	142.629.514.657	145.971.465.452	3.063.609.026	823.903.819	679.544.270.700
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.466.167.381	48.851.452.737	41.231.655.506	3.003.073.299	823.903.819	100.376.252.742
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	125.260.651.112	99.772.397.553	90.142.796.414	3.009.298.166	823.903.819	319.009.047.064
Khấu hao trong năm	14.307.297.445	7.111.132.720	16.588.703.214	33.985.936	-	38.041.119.315
Thanh lý, nhượng bán	(324.656.219)	-	-	-	-	(324.656.219)
Số cuối năm	139.243.292.338	106.883.530.273	106.731.499.628	3.043.284.102	823.903.819	356.725.510.160
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	185.126.649.791	42.602.571.649	55.828.669.038	54.310.860	-	283.612.201.338
Số cuối năm	247.812.485.408	35.745.984.384	39.239.965.824	20.324.924	-	322.818.760.540
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-



Nguyễn Thị Mỹ Thu
Người lập



Nguyễn Văn Tuấn
Phụ trách kế toán

Cần Thơ, ngày 22 tháng 3 năm 2023



Mai Công Toàn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 03: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang (cải tạo, nâng cấp, sửa chữa)					
- Silo 550 M3	2.978.378.316	-	(2.810.720.952)	(167.657.364)	-
- Silo 250 M3	2.085.526.870	30.000.000	(2.115.526.870)	-	-
- Silo 2475 M3	14.783.540.560	-	(14.783.540.560)	-	-
- Kho 48m x 72 m	4.835.151.694	29.788.363.778	(34.623.515.472)	-	-
- Nhà đóng bành 2-5	4.960.219.744	2.129.569.145	(7.089.788.889)	-	-
- Kho 20x72m	1.831.433.086	9.790.293.123	(11.565.635.300)	(56.090.909)	-
- Máy đóng bành 3	1.992.855.657	428.034.149	(2.420.889.806)	-	-
- Cống hộp	713.184.526	122.379.182	(835.563.708)	-	-
- Kho xi	194.717.818	253.832.272	-	(448.550.090)	-
- Kho 36x72m	-	2.463.573.231	-	-	2.463.573.231
- Silo máy nghiền	-	657.951.505	(657.951.505)	-	-
Cộng	34.375.008.271	45.663.996.385	(76.903.133.062)	(672.298.363)	2.463.573.231

Nguyễn Thị Mỹ Thu
Người lập

Nguyễn Văn Tuấn
Phụ trách kế toán

TP Cần Thơ, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Mai Công Toàn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 04 : Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.580.199.445	-	7.532.769.513	(7.171.560.752)	1.941.408.206	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.846.829.979	319.710.764	8.664.290.536	(8.982.254.198)	1.358.957.724	149.802.171
Thuế thu nhập cá nhân	616.550.122	-	4.844.561.892	(4.857.429.159)	603.682.855	-
Thuế tài nguyên	3.542.730	-	91.141.377	(91.439.340)	3.244.767	-
Thuế nhà đất	-	-	69.863.188	(69.863.188)	-	-
Tiền thuê đất	-	247.582.060	825.273.532	(577.691.472)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	15.000.000	(15.000.000)	-	-
Cộng	4.047.122.276	567.292.824	22.042.900.038	(21.765.238.109)	3.907.293.552	149.802.171



Nguyễn Thị Mỹ Thu
Người lập



Nguyễn Văn Tuấn
Phụ trách kế toán



TP. Cần Thơ, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Mai Công Toàn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 05: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

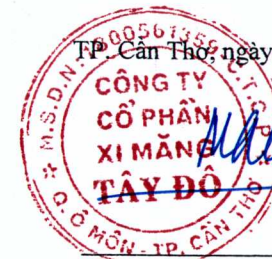
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	76.000.000.000	100.000.000.000	172.242.069.942	10.656.263.479	358.898.333.421
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	9.717.671.504	3.476.189.518	13.193.861.022
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	(10.681.310.000)	(67.696.429)	(10.749.006.429)
Chia cổ tức năm trước	-	-	(22.769.282.746)	(929.117.254)	(23.698.400.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	(3.482.868.134)	(232.837.986)	(3.715.706.120)
Ảnh hưởng do Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô huy động vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	(4.113.059.038)	14.113.059.038	10.000.000.000
Số dư cuối năm trước	76.000.000.000	100.000.000.000	140.913.221.528	27.015.860.366	343.929.081.894
Số dư đầu năm nay	76.000.000.000	100.000.000.000	140.913.221.528	27.015.860.366	343.929.081.894
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	29.834.080.440	477.382.340	30.311.462.780
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	(4.417.735.937)	(292.426.966)	(4.710.162.903)
Chia cổ tức năm nay	-	-	(15.200.000.000)	(2.767.700.000)	(17.967.700.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	(2.147.091.357)	(268.657.093)	(2.415.748.450)
Tặng khác (*)	-	-	41.021.560	18.978.440	60.000.000
Số dư cuối năm nay	76.000.000.000	100.000.000.000	149.023.496.234	24.183.437.087	349.206.933.321

(*) Tặng do hoàn nhập lại khoản thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô không chi năm 2020 với số tiền 60.000.000 VND, khoản chi được duyệt theo Nghị quyết số 01a/2021/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 30 tháng 3 năm 2021.

TP. Cần Thơ, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Mỹ Thu
Người lập

Nguyễn Văn Tuấn
Phụ trách kế toán



Mai Công Toàn
Chủ tịch Hội đồng quản trị